

Bản án số: 217 /2022/DS-PT
Ngày: 23 - 9 - 2022
“V/v tranh chấp đòi lại tài sản,
vô hiệu hợp đồng CNQSDĐ
và vô hiệu bản thỉnh nguyện”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản, vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vô hiệu bản thỉnh nguyện*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 239/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn K (pháp danh Thích Phước H1), sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm VH, phường TN, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Ô R (pháp danh Thích Thiện H1), sinh năm 1940.

2.2. Bà Lý Thị C1 (pháp danh Diệu T1), sinh năm 1962.

Cùng Địa chỉ: 40/2, NH, Phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1, theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2022: Bà Lê Thị Minh Hương, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số 09, đường NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và N2 vụ liên quan:*

1/ Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện: Ông Phạm Văn Chơn (pháp danh Thích Lệ L), sinh năm 1960; chức vụ: Trưởng ban trị sự giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Chùa LA:

Người đại diện: ông Trần Ô R; Là người trông coi quản lý Chùa LA (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Như T2, sinh năm 1947.

Địa chỉ: số 129/9, đường G, phường 5, TPVL, Vĩnh Long.

Người đại diện của ông T2, theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2022: Anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Bà Đinh Thị Hồng N1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

5/ Ông Trần Quang T3 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: TVỞ, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Bà Chung Thị Hoàng Y, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 3/9, đường LVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Người kế thừa quyền và N2 vụ của ông Lê Quang N2, sinh năm 1955 (chết ngày 02/11/2018)

7.1. Bà Chung Thị Hoàng Y sinh năm 1961 (vắng mặt).

7.2. Chị Lê Thị Hải V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: số 3/9, đường LVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

7.3. Chị Lê Thị C1 V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 73/7, TP, khóm 2, phường T, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

7.4. Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường V, phường 1, TPVL, Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn K (pháp danh Thích Phước H1), là nguyên đơn; Ông Nguyễn Như T2 (pháp danh Thích Như T2), là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2022 của nguyên đơn là ông Phạm Văn K và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tờ cam kết ngày 04/12/2018 được lập tại Chùa Long Phước (phường 5, TPVL), có mặt ông Phạm Văn K, công chứng viên, Hòa thượng Thích Như T2 là trụ trì Chùa Long Phước. Lý do làm tờ cam kết là do trước đây thầy Thích Như T2 có mua thửa đất số 216 của bà Lý Thị C1, đất giáp với Chùa LA. Thời điểm đó thầy Thích Như T2 nghĩ rằng khi mua thửa 216 thì bà C1 và ông R sẽ giao Chùa LA cho Hòa thượng Thích Như T2. Đồng thời, ông R và bà C1 có làm bản thỉnh nguyện giao Chùa LA và sổ hộ khẩu Chùa LA cho thầy Thích Như T2. Sau đó, ông R đòi lại sổ đỏ Chùa LA nhưng thầy Thích Như T2 nói bị L mất nên vợ chồng ông R kiện thầy Thích Như T2 tại Tòa án nhân dân TPVL. Do bà C1 chửi thầy Thích Như T2 nhiều quá nên ông cho người đến gặp vợ chồng ông R, bà C1 và được biết vợ chồng ông R có nhu cầu cần 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) thì sẽ giao Chùa LA cho giáo hội và thầy Thích Như T2 không phải có trách nhiệm lo cho ông R đến cuối đời theo bản thỉnh nguyện. Ông qua Chùa Long Phước trình bày với thầy Thích Như T2 sự việc và thỏa thuận sẽ hỗ trợ cho vợ chồng ông R, bà C1 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) để giao Chùa (trong đó thầy Thích Như T2 500.000.000 đồng và ông 500.000.000 đồng). Vì vậy, ngày 04/12/2018 mới lập tờ Cam kết tại Chùa Long Phước, nội dung là do thầy Thích Như T2 và công chứng viên lập, sau khi lập xong thì kêu vợ chồng ông R, bà C1 đến ký tên vào tờ cam kết, thầy Thích Như T2 có nhờ cô đệ tử là Trương Tú Phương đưa cho vợ chồng ông R, bà C1 500.000.000 đồng và bà C1 có viết vào tờ cam kết đã nhận 500.000.000 đồng, khi đưa tiền thì không nói tiền của ai. Trong tờ cam kết có ghi vợ chồng ông R sẽ tự xây nơi ở, nơi thờ tự mới, cam kết di dời đến nơi ở mới, cắt chuyển hộ khẩu ra khỏi địa chỉ 40/2A, NH, phường 2, TPVL (Chùa LA) và bàn giao toàn bộ công trình, vật kiến trúc gắn liền với phần đất của Chùa LA cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long tiếp nhận quản lý.

Thực tế khi làm tờ cam kết là yêu cầu vợ chồng ông R giao Chùa LA có địa chỉ 40/2 cho Giáo hội, nhưng do lúc đó thầy Thích Như T2 đưa sổ đỏ thửa 216 mua của bà C1 cho công chứng viên coi nên nhầm lẫn ghi địa chỉ Chùa LA là 40/2A, thực tế thửa 216 có địa chỉ 40/2A. Tờ cam kết có nội dung sau khi hoàn thành việc xây dựng ngôi T1 thất mới thì vợ chồng ông R sẽ di dời tượng Phật, pháp khí thờ cúng và linh cốt ra khỏi Chùa LA để mang về chỗ mới. Cam kết tiến hành các thủ tục rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân TPVL. Sau khi hoàn thành các việc nêu trên thì đến ngày 30/01/2019 (âm lịch), Thượng tọa Thích Phước H1 sẽ giao số tiền còn lại 500.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Sau khi làm tờ cam kết thì vợ chồng ông R chỉ thực hiện được nội dung là rút đơn khởi kiện ông Nguyễn Như T2 tại Tòa án nhân dân TPVL, còn hai nội dung không thực hiện theo cam kết đó là: Không di dời tượng Phật, pháp khí thờ cúng và linh cốt ra khỏi Chùa LA để giao cho Giáo hội; không cắt chuyển hộ khẩu ra khỏi địa chỉ 40/2, NH, phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Chùa LA). Vì vậy, ông điện thoại đòi vợ chồng ông R trả lại 500.000.000 đồng do không thực hiện đúng theo cam kết. Do vợ chồng ông R không trả tiền nên ông mới khởi kiện đòi lại số tiền này để trả tiền cho ông T2, do trong tờ cam kết ghi ông là người hứa hỗ trợ tiền cho vợ chồng ông R.

Chùa LA trước đây là ông R quản lý nhưng không có văn bản của Giáo hội. Sau khi làm tờ cam kết ngày 04/12/2018 thì Ban trị sự giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long bổ nhiệm Hòa thượng Thích Như T2 làm trụ trì Chùa LA. Do vợ chồng ông R không thực hiện cam kết nên thầy T2 có ý định giao Chùa LA cho Hòa thượng Bửu Thành (tỉnh An Giang) là bà con với ông R. Hiện nay Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long đã có quyết định giao cho ông R quản lý Chùa LA. Thực tế từ trước đến nay Chùa LA do ông R quản lý. Số tiền 500.000.000 đồng đã đưa cho vợ chồng ông R thì ông đã hứa trả lại cho thầy T2, đến nay ông đã trả lại cho thầy T2 300.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng sẽ trả sau.

Đến ngày 06/5/2019 ông R, bà C1 vẫn không thực hiện theo tờ cam kết. Vì vậy, ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy tờ cam kết, yêu cầu ông R, bà C1 trả lại cho ông 500.000.000 đồng đã hỗ trợ và tính lãi 1%/tháng.

Tại đơn phản tố ngày 30/6/2020, ngày 14/9/2020; yêu cầu phản tố bổ sung ngày 28/6/2021; biên bản đối chất ngày 14/7/2022 của ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông R và bà C1 trình bày :

Ông R và bà C1 chung sống từ năm 1999 (năm 2010 đăng ký kết hôn). Trước đây Chùa LA thuộc thửa số 4, diện tích 484,9m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2004. Đến ngày 17/3/2016, thửa 4 tách ra thêm thửa mới là 216, diện tích 284,2m², do ông Trần Ô R đứng tên; đến ngày 24/3/2016 ông R tặng cho bà C1 và bà C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2016, có căn nhà cấp 4 trên đất.

Tháng 5/2016, bà C1 vay tiền của bà Đinh Thị Hồng N1 nhưng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 216 cho ông Lê Quang N2 đứng tên ngày 01/9/2016; đến tháng 10/2016, ông N2 và vợ là bà Chung Thị Hoàng Y ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 216 cho bà N1 và bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2016; đến ngày 20/3/2018, bà N1 và chồng là ông Trần Quang T3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 216 cho ông Nguyễn Như T2 và ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2018, đến tháng 7/2018 ông T2 xây nhà trên thửa 216 (số nhà 40/2A). Qua nhiều lần chuyển nhượng nhưng ông R, bà C1 vẫn sinh sống tại căn nhà 40/2A. Biên bản thanh lý tài sản ngày 31/5/2018 là bà C1 và bà N1 đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 216 cho ông T2 với giá là 2.500.000.000 đồng, bà C1 đã nhận đủ tiền, không thanh lý tài sản trên đất. Lúc đó ông T2 có hứa miệng là sẽ hỗ trợ bà C1 1.000.000.000 đồng để di dời tượng phật và tài sản trên đất. Trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 216, ông T2 có mượn bản gốc sổ hộ khẩu của ông R và bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 04 của Chùa LA nhưng không trả lại.

Bản thỉnh nguyện ngày 17/3/2018 ông R ký là do nhầm tưởng ký tờ giáp ranh đất, bà C1 không biết nên không có giá trị, vì trong đó có phần tài sản của bà C1 góp tiền 1.400.000.000 đồng để tôn tạo, nâng cấp, sửa chữa Chùa. Ngày 12/5/2020, Giáo hội đã ra quyết định giao lại Chùa LA cho ông R tiếp tục trông

coi, quản lý, giao trả lại bản gốc sổ hộ khẩu, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4 cho ông R.

Ngày 04/12/2018, ông R, bà C1 ký tờ cam kết và ghi cụ thể những việc cần làm. Bởi vì, ông Phạm Văn K kêu vợ chồng bà C1 đến Chùa Long Phước, ông T2 đứng ở cửa phòng, còn người của văn phòng công chứng đến sau, ông K kêu ông, bà ký tên vào tờ cam kết, hàng chữ ở dưới có nội dung: “chúng tôi đã đọc kỹ và đồng ý cam kết thực hiện xong các nội dung trên trước ngày 06/3/2019 (nhằm ngày 30/giêng Al năm Kỷ Hợi), chúng tôi đã nhận đủ” là do bà viết. Sau khi ký xong thì ông T2 đứng ở cửa phòng đưa cho bà Chi là phạt tử đem ra bàn ngồi. Ông K kêu bà Chi đếm tiền từ trong bọc đen đưa cho vợ chồng bà 500.000.000 đồng, trong suốt thời gian này thì vợ chồng ông, bà và ông T2 không nói chuyện với nhau. Khoảng một tuần sau ông K mới kêu đệ tử đem tờ cam kết đưa cho ông, bà. Tờ cam kết này là ông T2 nhờ ông K làm. Vì trước đó ông T2 giữ sổ đỏ và sổ hộ khẩu Chùa LA, bà C1 đòi thì ông T2 nói làm thất L nên bà khởi kiện ông T2 tại Tòa án nhân dân TPVL. Vì vậy, ông T2 mới nhờ ông K đến gặp vợ chồng bà nói là rút đơn khởi kiện ông T2 và di dời 4 tượng phạt, tài sản tại số nhà 40/2A thì ông K nói ông T2 sẽ hỗ trợ vợ chồng bà 1.000.000.000 đồng. Địa chỉ 40/2A là thuộc thửa 216 nhưng không biết sao trong tờ cam kết ghi (Chùa LA), toàn bộ tài sản trên thửa 216 thì bà đã di dời và bàn giao cho ông T2 quản lý, sử dụng. Vợ chồng bà không có cam kết giao Chùa LA cho Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long và Chùa LA từ trước đến nay do ông R quản lý, sử dụng. Bà C1 đã di dời đi nơi khác 04 tượng phạt và tài sản trên thửa 216, còn tượng phạt, pháp khí thờ cúng và linh cốt trên thửa 04 thuộc Chùa LA vẫn do ông R quản lý tại Chùa LA. Tháng 11/2018, ông, bà khởi kiện ông T2 thì Tòa án có yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, do đã làm tờ cam kết nên ông, bà không sửa đổi đơn kiện nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện. Vào năm 2021, ông T2 có nhờ người đến Ủy ban nhân dân phường 2 để trả cho ông R giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Chùa LA và sổ hộ khẩu số 40/2 của ông R. Hiện nay bà C1 đang tạm trú tại số 40/2 (Chùa LA), còn ông R từ trước đến nay có hộ khẩu tại 40/2, là địa chỉ Chùa LA.

Nay ông R, bà C1 không đồng ý trả lại tiền và lãi suất cho ông K; yêu cầu ông T2 thực hiện tiếp thỏa thuận tại tờ cam kết, đưa tiếp tiền hỗ trợ còn lại hoặc vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa 216 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T2, ông R, bà C1 đồng ý trả giá trị nhà cho ông T2 theo định giá là 1.201.100.000 đồng, không trả lại tiền đã nhận vì nhà cũ đã bị phá bỏ, vô hiệu bản thỉnh nguyện giữa ông R và ông T2.

Người có quyền lợi, N2 vụ liên quan là ông Nguyễn Như T2 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông T2 trình bày:

Ông T2 không đồng ý theo yêu cầu của ông R, bà C1, vì ông không có cam kết, không ký tên tờ cam kết ngày 04/12/2018, không phải là chủ thể thực hiện nội dung cam kết nên không có N2 vụ thực hiện. Số tiền ông K giao cho ông R, bà C1 là của cá nhân ông K, không liên quan đến ông T2. Số tiền 500.000.000 đồng là của ông K đưa cho bà C1, ông R

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa bà N1, ông T3 với ông T2 là hợp pháp, có đầy đủ giá trị pháp lý, được bà C1, bà N1 ký biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018, trong đó có nội dung bà C1 nhận của ông T2 đủ 2.500.000.000 đồng, cam kết không có khiếu nại về sau, ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T2 không hứa hỗ trợ 1.000.000.000 đồng cho vợ chồng ông R để di dời tài sản trên thửa 216.

Vì vậy, yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2018, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2018 cấp cho ông T2 là không có căn cứ. Mặt khác, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T2 đã xin phép xây dựng nhà và được cấp phép ngày 27/7/2018, đơn xin số nhà ngày 27/11/2018. Ông T2 không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn vì không có căn cứ và trái pháp luật.

Bà Đinh Thị Hồng N1 và ông Trần Quang T3 trình bày: Bà N1 và ông T3 là vợ chồng, biết bà C1 là do ông N2 và bà Y đang cầm giấy tờ đất của bà C1, lúc đó ông N2 muốn cầm lại cho ông bà nên hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau, nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ giá trị chuyển nhượng, thực tế giao dịch của ông bà là cho bà C1 vay tiền, ông bà có đến văn phòng công chứng ký thủ tục cho đúng với quy định của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, ông bà chuyển nhượng lại cho ông T2, tiền bạc giao dịch chuyển nhượng do bà C1 nhận và đã trả đủ tiền vay cho bà N1, hai bên không có tranh chấp gì. Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông N2, bà Y sang ông bà và từ ông bà sang ông T2 là bà N1 giao dịch trực tiếp với bà C1, còn những người đứng tên trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì không biết rõ, mục đích của ông bà là cho vay tiền. Nay bà C1 và ông T2 tranh chấp thửa 216 thì ông bà không có ý kiến gì.

Chị Lê Thị Hồng V trình bày: Chị là con ông N2 (chết ngày 02/11/2018). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 216, ngày 13/10/2016 được ký giữa cha mẹ chị với bà N1 là chị không biết, không nghe ông N2 nói với chị em chị.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long trình bày: Ngày 04/12/2018 ông K với ông R và bà C1 có ký cam kết, ông K hứa dùng tiền cá nhân để hỗ trợ cho ông R, bà C1 1.000.000.000 đồng, đã nhận 500.000.000 đồng và thực hiện ngay các công việc nêu; sau khi hoàn thành các công việc tại tờ cam kết, ông K sẽ giao số tiền còn lại 500.000.000 đồng như thỏa thuận. Giáo hội có biết việc này, số tiền đã giao là tài sản của cá nhân ông K, hỗ trợ cho ông R, bà C1 để di dời giao Chùa, không phải là tài sản của Giáo hội.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 42, 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 117, 121, 122, 124, 131, 132, 166, 274, 275, 276, 284, 351, 352, 357, 404 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K (pháp danh Thích Phước H1) về việc hủy tờ cam kết và buộc ông Trần Ô R (pháp danh Thích Thiện H1), bà Lý Thị C1 (pháp danh Diệu T1) trả lại 500.000.000 đồng đã nhận tại tờ cam kết 04/12/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1, thực hiện tờ cam kết đối với ông Nguyễn Như T2 (pháp danh Thích Như T2):

- Buộc ông Nguyễn Như T2 tiếp tục hỗ trợ cho ông R và bà C1 số tiền 500.000.000 đồng, thực hiện thỏa thuận di dời giao thửa 216, tờ bản đồ 14, diện tích 284,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa L 40/2A, NH, khóm 3, phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2018, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018, thỏa thuận ngày 20/3/2018, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018, thỏa thuận ngày 25/6/2018 và tờ cam kết ngày 04/12/2018.

- Vô hiệu bản thỉnh nguyện ngày 17/3/2018 giữa ông Trần Ô R và ông Nguyễn Như T2.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, N2 vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/02/2022, nguyên đơn ông Phạm Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022 ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân TPVL theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/02/2022, ông Nguyễn Như T2 kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không buộc ông hỗ trợ cho ông R, bà C1 số tiền 500.000.000 đồng .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị Minh Hương trình bày: Đồng ý việc nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Như T2, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Như T2 trả số tiền 500.000.000 đồng, theo tờ cam kết ngày 04/12/2018. Lúc đầu đơn phản tố của ông R, bà C1 là yêu cầu ông Phạm Văn K trả tiếp số tiền còn lại là 500.000.000 đồng, theo như tờ cam kết, nhưng sau đó ông R, bà C1 làm đơn phản tố bổ sung là chỉ yêu cầu ông Nguyễn Như T2 trả số tiền 500.000.000 đồng, là số tiền còn lại mà ông T2 đã hứa hỗ trợ trong tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018 ghi 2.500.000.000 đồng, nhưng ông T2 có hứa là hỗ trợ thêm cho bà C1 1.000.000.000 đồng. Tờ cam kết ngày 04/12/2018 là hỗ trợ có điều

kiện. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân TPVL.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, N2 vụ liên quan là anh Huỳnh Duy K trình bày: Ông Nguyễn Như T2 không ký tờ cam kết ngày 04/12/2018, tờ cam kết này là thỏa thuận giữa ông Phạm Văn K với ông R, bà C1 để thỏa thuận giao Chùa LA cho Giáo hội, do ông R, bà C1 không thực hiện đúng cam kết nên ông K không giao tiếp số tiền còn lại và đòi lại số tiền đã đưa cho ông R, bà C1. Ông T2 vẫn giữ kháng cáo là không đồng ý trả cho ông R và bà C1 số tiền 500.000.000 đồng. Việc ông K rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo thì ông T2 không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2, 4, 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Hủy và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông K và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông K. Ông T2 không phải nộp án phí phúc thẩm; ông K nộp 50% án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 10/02/2022 của ông Phạm Văn K và đơn kháng cáo ngày 07/02/2022 của ông Nguyễn Như T2 còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 24/02/2022, ông Nguyễn Như T2 có đơn yêu cầu Luật sư Trần Bá T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Luật sư Trần Bá T2 có văn bản chấm dứt bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Như T2 nên được chấp nhận.

Ngày 18/3/2022, ông Phạm Văn K (Pháp danh Thích Phước H1) có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo với nội dung rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Lý do, không còn tranh chấp với ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1. Ngày 06/8/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý việc ông Phạm Văn K rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K và đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn K (Pháp danh Thích Phước H1). Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Như T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 04/12/2018, ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 có ký tờ cam kết với nội dung: Gia đình bà C1 và ông R hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 40/2, NH, phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long. Đây là địa chỉ của Chùa LA. Thượng tọa Thích Phước H1 có hứa hỗ trợ cho ông R, bà C1 1.000.000.000 đồng, đã nhận từ Thượng tọa Thích Phước H1 – Phó trưởng ban thường trực giáo hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long số tiền 500.000.000 đồng, số tiền này ông R dùng để an dưỡng tuổi già, hòa thượng Thích Như T2 không phải lo cho ông R mất phần như thỏa thuận trước đây. Ông R, bà C1 sẽ tự xây dựng nơi ở, nơi thờ tự mới và bàn giao toàn bộ công trình, vật kiến trúc gắn liền với phần đất của Chùa LA cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam – tỉnh Vĩnh Long tiếp nhận quản lý (phần đất của Chùa LA trước đây ông R, bà C1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho Hòa thượng Thích Như T2 và hiện đã trở thành đất tôn giáo). Ngay sau khi hoàn thành việc xây dựng ngôi T1 thất mới thì sẽ di dời tượng Phật, pháp khí thờ cúng và linh cốt ra khỏi Chùa LA. Cam kết làm thủ tục rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân TPVL. Trong khi ông R và bà C1 tiến hành hoàn thành các công việc nêu trên thì đến ngày 06/3/2019 (30/01/2019 âm lịch) Thượng tọa Thích Phước H1 giao cho ông R số tiền còn lại là 500.000.000 đồng như thỏa thuận.

[2.2] Biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2022 của người làm chứng là bà Trương Tú Phương trình bày:

Bà là Phật tử Chùa Long Phước từ năm 1992 cho đến nay. Thầy Thích Như T2 đặt cho bà pháp danh T1 Chi. Bà biết thầy Thích Phước H1, vì thầy thường hay về Chùa Long Phước để cúng kiếng. Bà biết ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1, vì thầy Thích Như T2 có đưa đi đến nhiều Chùa, trong đó có Chùa LA. Việc thầy T2 mua đất của bà C1 thì bà không biết.

Cách đây khoảng 4 năm thầy Thích Phước H1 (sau này mới biết tên là Phạm Văn K) có hỏi mượn bà 500.000.000 đồng và bà đồng ý, ông K không nói mượn tiền làm gì. Một ngày sau, vào khoảng 2 – 3 giờ chiều ông K gọi điện kêu bà đem 500.000.000 đồng đến Chùa Long Phước. Khi bà đến thì ông K chưa đến, do số tiền lớn nên bà đem vô để trong phòng Phật tử, một lúc sau ông K đến, rồi sau đó ông R, bà C1 đến, mọi người ngồi ngay bàn quả đường của Chùa, ông K kêu bà đem tiền ra. Bà ra đến thì ông K kêu đưa tiền cho ông R, bà C1, sau khi đưa tiền cho vợ chồng bà C1 nhận đủ thì bà đi. Trong suốt thời gian này thì thầy Thích Như T2 không biết, vì thầy bị bệnh nằm trong phòng riêng. Thời gian sau này thầy Thích Phước H1 không trả tiền nên bà mới cho thầy Thích Như T2 biết sự việc này. Sau này ông K có trả tiền cho bà nhiều lần, đến nay đã trả được 300.000.000 đồng, ông K trả qua thầy Thích Như T2 và thầy T2 đưa lại cho bà. Theo bà việc ông K không trả trực tiếp mà qua thầy T2 là để chứng minh là đã trả tiền. Nay các bên tranh chấp liên quan đến số tiền này thì bà không có yêu cầu gì, số tiền ông K còn thiếu thì bà đồng ý cho trả dần.

[2.3] Tờ cam kết ngày 04/12/2018 không liên quan đến thửa 216, diện tích 284,2m², đất ở đô thị, tọa L tại khóm 3, phường 2, TPVL. Vì phần đất này đã được chuyển nhượng từ bà C1 qua ông N2; từ ông N2 qua bà N1; từ bà N1

qua ông T2 đều có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiện nay ông Nguyễn Như T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2018. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018 giữa bên chuyển nhượng là bà Đinh Thị Hồng N1 với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Như T2 với người đang quản lý, sử dụng đất là bà Lý Thị C1 có nội dung: Thanh lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Dung chứng nhận ngày 20/3/2017 số công chứng 689. Đến nay việc thực hiện các thủ tục sang tên đã xong nên các bên tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng, thanh toán tiền và bàn giao tài sản, Ngay khi ký vào văn bản này bên chuyển nhượng và người đang quản lý, sử dụng đất thừa nhận đã nhận đủ toàn bộ số tiền 2.500.000.000 đồng, đồng thời cam kết bàn giao tài sản như thỏa thuận và cam kết không có bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào về sau. Tại biên bản bà C1 ký tên và ghi đã nhận đủ tiền là 2.500.000.000 đồng. Bà C1 cho rằng không có không thanh lý tài sản trên đất, lúc đó ông T2 có hứa miệng là sẽ hỗ trợ bà C1 1.000.000.000 đồng để di dời tượng phật và tài sản trên đất. Tuy nhiên ông T2 không thừa nhận và bà C1 không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Tờ cam kết ngày 04/12/2018 có nội dung là ông R, bà C1 đã nhận được 500.000.000 đồng từ ông Phạm Văn K (thượng tọa Thích Phước H1). Số tiền 500.000.000 đồng đã đưa trước cho ông R, bà C1 là tiền của bà Trương Tú Phương (pháp danh T1 Chi). Số tiền này là do ông Phạm Văn K kêu bà Trương Tú Phương đưa cho ông R, bà C1 nên ông K phải chịu trách nhiệm số tiền này. Chính ông K cũng thừa nhận là ông đã hứa trả lại cho ông T2 số tiền này và đã trả được 300.000.000 đồng. Giấy giao Chùa ngày 07/5/2020 của Hòa thượng Thích Như T2 cũng thể hiện là Thượng tọa Thích Phước H1 (thể danh Phạm Văn K) phải hoàn trả 500.000.000 đồng mà đã lấy giao cho ông R, bà C1 để giao lại cho phật tử Chùa Long Phước. Bà Trương Tú Phương đã thừa nhận có nhận lại từ ông Nguyễn Như T2 300.000.000 đồng, là tiền của ông Phạm Văn K trả và đồng ý để ông K trả dần số tiền còn lại.

[2.5] Tờ cam kết ngày 04/12/2018 có nội dung là ông Phạm Văn K – Phó Trưởng ban thường trực giao hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long hứa hỗ trợ ông R, bà C1 số tiền 1.000.000.000 đồng, đã đưa trước 500.000.000 đồng. Ông R và bà C1 cam kết thực hiện ngay các công việc sau:

- Số tiền này ông Trần Ô R dùng để an dưỡng từ nay đến cuối đời. Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long, Hòa thượng Thích Như T2 không phải lo việc hậu sự khi ông R mãn phần như thỏa thuận trước đây.

- Gia đình ông R, bà C1 sẽ tự xây dựng nơi ở, nơi thờ tự mới. Cam kết cắt chuyển hộ khẩu ra khỏi địa chỉ 40/2A, NH, phường 2, TPVL (Chùa LA) và bàn giao toàn bộ công trình, vật kiến trúc gắn liền với phần đất của Chùa LA cho Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Vĩnh Long tiếp nhận quản lý.

- Ngay sau hoàn thành công việc xây dựng ngôi T1 thất mới, ông R, bà C1 sẽ di dời: tượng phật, pháp khí thờ cúng và linh cốt ra khỏi Chùa LA để mang về chỗ mới.

- Cam kết tiến hành các thủ tục rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân

TPVL.

Điều 120 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định:

“ 1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự thì khi điều kiện đó xảy ra, giao dịch dân sự phát sinh hoặc hủy bỏ.

2. Trường hợp điều kiện làm phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự không thể xảy ra được do hành vi cố ý cản trở trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên thì coi như điều kiện đó đã xảy ra; trường hợp có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên cố ý thúc đẩy cho điều kiện xảy ra thì coi như điều kiện đó không xảy ra.”

Như vậy, tờ cam kết ngày 04/12/2018 là giao dịch dân sự có điều kiện. Mục đích của giao dịch này là ông R, bà C1 phải thực hiện một số công việc theo tờ cam kết thì ông Phạm Văn K mới hỗ trợ 1.000.000.000 đồng. Vì Chùa LA trước đây có nguồn gốc của gia đình ông Trần Ô R, nhưng đến ngày 08/11/2004 thì đã thành đất của cơ sở tôn giáo là Chùa LA Tự, thuộc thửa số 4, diện tích 484,9m²; đến ngày 17/3/2016 tách thửa số 4 là thửa 216, diện tích 284,2m² cho ông Trần Ô R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 16/12/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Chùa LA là thửa số 4, diện tích 193m² đất cơ sở tôn giáo. Ông R, bà C1 đã thực hiện công việc theo cam kết là không khởi kiện ông Nguyễn Như T2 tại Tòa án nhân dân TPVL. Còn hai công việc chưa thực hiện là không di dời tượng phật, pháp khí thờ cúng và linh cốt ra khỏi Chùa LA để giao cho Giáo hội; không cắt chuyển hộ khẩu ra khỏi địa chỉ 40/2, NH, phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Chùa LA). Mặc dù tờ cam kết ngày 04/12/2018 không phải do ông R, bà C1 lập, nhưng bà C1 thừa nhận hàng chữ viết tay ở dưới tờ cam kết có ghi “chúng tôi đã đọc kỹ và đồng ý cam kết thực hiện xong các nội dung trên trước ngày 06/3/2019 (nhằm ngày 30 tháng giêng AL năm Kỷ Hợi, chúng tôi đã nhận đủ” là do bà C1 viết và vợ chồng bà đã ký tên vào tờ cam kết nên vợ chồng bà phải chịu trách nhiệm thực hiện đúng theo cam kết. Ông R, bà C1 không chứng minh được lý do không thực hiện hết các công việc theo cam kết là do người khác có hành vi cản trở.

[2.6] Từ những căn cứ trên, yêu cầu của ông R, bà C1 yêu cầu ông Nguyễn Như T2 trả tiếp số tiền còn lại 500.000.000 đồng trong tổng số tiền đã hứa hỗ trợ 1.000.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân TPVL.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 phải chịu toàn bộ chi phí do đặc, định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.928.000 đồng.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.200.000 đồng. Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Như T2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Phạm Văn K phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 2, 4, 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K và đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn K (pháp danh Thích Phước H1) về việc yêu cầu hủy tờ cam kết và buộc ông Trần Ô R (pháp danh Thích Thiện H1), bà Lý Thị C1 (pháp danh Diệu T1) trả lại 500.000.000 đồng đã nhận tại tờ cam kết 04/12/2018.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo kháng cáo của ông Nguyễn Như T2 (pháp danh Thích Như T2). Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 158, 165, 166, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, 120, 121, 122, 124, 131, 132, 284, 351, 358, 404 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, 100, 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2, 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1:

- Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 yêu cầu ông Nguyễn Như T2 (pháp danh Thích Như T2) trả tiếp số tiền còn lại 500.000.000 đồng trong tổng số tiền đã hứa hỗ trợ 1.000.000.000 đồng để thực hiện thỏa thuận di dời giao thửa 216, tờ bản đồ 14, diện tích 284,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa L 40/2A, NH, khóm 3, phường 2, TPVL, tỉnh Vĩnh Long, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2018, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018, thỏa thuận ngày 20/3/2018, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/5/2018, thỏa thuận ngày 25/6/2018 và tờ cam kết ngày 04/12/2018, là không được chấp nhận.

- Ông Nguyễn Như T2 (pháp danh Thích Như T2) không phải có N2 vụ

trả số tiền 500.000.000 đồng cho ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 phải chịu toàn bộ chi phí do đặc, định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.928.000 đồng. Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 đã nộp tạm ứng số tiền này nên không phải nộp nữa.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.200.000 đồng. Ông Phạm Văn K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 12.500.000 đồng, theo biên lai thu số N⁰ 0004630 ngày 19/6/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự TPVL nên được trừ qua, ông Phạm Văn K còn phải nộp tiếp số tiền là 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng). Ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông Trần Ô R và bà Lý Thị C1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số N⁰ 0005688 ngày 17/9/2020 và trả cho bà Lý Thị C1 số tiền 6.000.000 đ (sáu triệu đồng) theo biên lai số N⁰ 0000752 ngày 11/10/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự TPVL.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Như T2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Phạm Văn K phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng. Ông Phạm Văn K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số N⁰ 0001004, ngày 11/02/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự TPVL nên được trừ qua, còn lại 150.000 đ (một trăm lăm mươi ngàn đồng) trả cho ông Phạm Văn K.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng

Phạm Trường Thọ

Nguyễn Văn Dũng

